

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 5-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam và ông Võ Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Diện - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2001; địa chỉ: Đội 2, thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 3, thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình (hiện đang chấp hành án trại Trại giam N, C10-Bộ Công an) có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 21/3/2023, bản tự khai ngày 11/4/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/7/2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 05 tháng thì anh Phạm Văn H bị Công an huyện L, tỉnh Quảng Bình bắt và bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội Hiếp dâm người dưới 16 tuổi. Hiện nay, anh H đang chấp hành án tại Trại giam N, Bộ Công an. Hiện tại, chị T xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T trình bày chị và anh Phạm Văn H có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/7/2019. Từ khi anh H đi chấp hành án, con vẫn với chị T, nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp

chăm sóc nuôi dưỡng con, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Bởi chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/4/2023 chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, trong đơn chị T trình bày: Về tình cảm chị xin được ly hôn anh H; về con chung: Chị và anh Phạm Văn H có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/7/2019, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị; về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa cũng như các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ. Ngày 28/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình trực tiếp đến gặp anh H vì hiện tại anh H đang chấp hành án trại Trại giam N, C10- Bộ Công an do vi phạm pháp luật. Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của anh Phạm Văn H, trong đơn anh H trình bày:

Về tình cảm: Anh nhất trí xin được ly hôn.

Về con chung: Anh thừa nhận anh và chị T có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/7/2019, nguyện vọng của anh giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Bị đơn anh Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Hiện tại anh H đang chấp hành án trại Trại giam N, C10- Bộ Công an. Anh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T và anh H được ly hôn nhau; áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao con Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/7/2019 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không có, nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Hiện tại anh H đang chấp hành án trại Trại giam N, C10- Bộ Công an, anh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

hạnh phúc với nhau được khoảng 05 tháng thì anh Phạm Văn H bị bắt vì vi phạm pháp luật. Hiện nay, anh H đang chấp hành án tại Trại giam N, C10- Bộ Công an.

Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt trực tiếp cho anh H, nhưng hiện tại anh H đang chấp hành án tại Trại giam N, C10- Bộ Công an, nên Tòa án đã trực tiếp gặp anh H lấy lời khai, anh H trình bày hiện tại không thể đến Tòa án để giải quyết việc chị T xin ly hôn nên anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H trình bày: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh hoàn toàn nhất trí như ý kiến của chị Nguyễn Thị T.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Xét chị T, anh H có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/7/2019. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị, bởi chị có đủ điều kiện nuôi con. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của anh H, anh cũng nhất trí giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con với chị T vì chị T không yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận theo nguyện vọng của chị T, giao cho chị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/7/2019, không buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị T, vì chị T có đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không yêu cầu là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/7/2019 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị T không yêu cầu bởi chị có đủ điều kiện nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Tiền án phí chị T phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Lệ Thủy theo biên lai số 0004615 ngày 21/3/2023. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- UBND xã X (để biết);
- Lưu HS; Lưu VP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

